BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TRỊNH THỊ THỦY**

**PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 9380107

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT**

**Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2025**

Công trình được hoàn thành tại:

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Người hướng dẫn khoa học 1: **TS. Dương Kim Thế Nguyên**

Người hướng dẫn khoa học 2: **TS. Nguyễn Thị Anh**

Phản biện 1:…………………………………………………

Phản biện 2:…………………………………………………

Phản biện 3:…………………………………………………

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường, họp tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Vào hồi ………giờ ……… ngày … tháng… năm ……….

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

Thư viện Quốc gia Việt Nam (Số 31 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội)

Thư viện Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (số 279 Nguyễn Tri Phương, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

**MỤC LỤC**

[**MỞ ĐẦU 1**](#_Toc200048716)

[1. Tính cấp thiết của đề tài 1](#_Toc200048717)

[3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4](#_Toc200048718)

[4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu 5](#_Toc200048719)

[4.1. Câu hỏi nghiên cứu 5](#_Toc200048720)

[4.2. Giả thuyết nghiên cứu 6](#_Toc200048721)

[5. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của Luận án 7](#_Toc200048722)

[6. Những đóng góp về mặt khoa học của Luận án 8](#_Toc200048723)

[7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án 9](#_Toc200048724)

[8. Kết cấu của Luận án 9](#_Toc200048725)

[**CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 10**](#_Toc200048726)

[1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu 10](#_Toc200048727)

[1.2. Cơ sở lý thuyết 11](#_Toc200048728)

[**CHƯƠNG 2:**](#_Toc200048729) [**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON 11**](#_Toc200048730)

[2.1. Lý luận về thị trường các-bon 11](#_Toc200048731)

[2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc hoạt động của TTCB 11](#_Toc200048732)

[2.2 Khái quát pháp luật về thị trường các-bon 12](#_Toc200048735)

[2.2.1. Khái niệm pháp luật về thị trường các-bon 12](#_Toc200048736)

[2.2.2. Chủ thể của thị trường các-bon 13](#_Toc200048737)

[2.2.3. Đối tượng giao dịch trên thị trường các-bon 13](#_Toc200048738)

[2.4. Khung pháp lý về thị trường các-bon tại một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho việt Nam 14](#_Toc200048739)

[**Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON 15**](#_Toc200048740)

[3.1. Thực trạng pháp luật về TTCB tại Việt Nam 15](#_Toc200048741)

[3.2. Thực tiễn thực hiện thị trường các-bon tại Việt Nam 16](#_Toc200048742)

[3.3. Đánh giá chung pháp luật về TTCB tại Việt Nam 18](#_Toc200048743)

[3.3.1. Những kết quả đạt được của pháp luật về TTCB 18](#_Toc200048744)

[3.3.2. Những hạn chế trong quy định pháp luật về TTCB 18](#_Toc200048745)

[3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế pháp luật về TTCB 19](#_Toc200048746)

[**Chương 4:**](#_Toc200048747) [**ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON 19**](#_Toc200048748)

[4.1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật pháp luật thị trường các-bon tại Việt Nam hiện nay 19](#_Toc200048749)

[4.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam liên quan đến thị trường các-bon 19](#_Toc200048750)

[4.3. Giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về TTCB 20](#_Toc200048751)

[**KẾT LUẬN 21**](#_Toc200048752)

[**CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 25**](file:///C:\Users\Administrator\Desktop\DOWNLOAD\02.%20Trinh%20Thi%20Thuy_TV_TOM%20TAT%20LA.docx#_Toc200048753)

# MỞ ĐẦU

1. **Tính cấp thiết của đề tài**

Để ứng phó với với các vấn đề môi trường do BĐKH gây ra, một số Hội nghị đã được tổ chức bởi Liên hiệp quốc để thảo luận về các biện pháp để ứng phó tích cực với những vấn đề môi trường. Các hội nghị đã đưa đến sự ra đời của UNFCCC (United Nations Framework Convention on Climate Change) về BĐKH vào tháng 6 năm 1992. Ngày nay, Công ước này đã được 198 quốc gia phê chuẩn, ngăn chặn sự can thiệp “nguy hiểm” của con người vào hệ thống khí hậu là mục tiêu cuối cùng của UNFCCC. Công ước sau đó đã được cụ thể hóa bằng KP[[1]](#footnote-1). Theo cam kết các nước tham gia KP phải chịu sự giám sát và quản lý bởi các nguyên lý của Liên Hiệp Quốc về lượng khí thải cắt giảm và buộc các nước tham gia phải cam kết đạt được mục tiêu về giảm phát thải GHG. KP yêu cầu các quốc gia tham gia cam kết thực hiện các mục tiêu giảm GHG thông qua ba cơ chế chính được đưa ra trong Hiệp định Marrakes năm 2001. Bao gồm: JI (Joint Implementation); IET (International Emission Trade) và CDM (Clean Development Mechanism). Theo đó, Cơ chế buôn bán quyền phát thải được hiểu là các quốc gia có hạn ngạch phát thải dư thừa có thể bán hạn ngạch này cho những nước có lượng phát thải vượt mức cho phép. Việc ra đời của KP là cơ sở cho việc hình thành TTCB. Một bước ngoặt trong quá trình đàm phán quốc tế là sự ra đời Thỏa thuận Paris tại COP 21 năm 2015. Đây được coi như thỏa thuận tiếp nối KP, nội dung của Thảo thuận Paris quy định ngoài các quốc gia phát triển thì các quốc gia khác cũng phải có nghĩa vụ đưa ra mục tiêu giảm phát thải GHG và thực hiện cam kết giảm phát thải thông qua NDC. TTCB được coi là một công cụ quan trọng trong giảm thiểu BĐKH, là chìa khóa mở ra con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất để các nước và DN tiến tới net zero. TTCB là cơ chế giúp giảm phát thải GHG toàn cầu. Hàng hóa giao dịch gồm hạn ngạch và TCCB, đại diện cho quyền phát thải. Nhiều thị trường buôn bán các-bon trong khu vực và quốc gia đã xuất hiện. Ví dụ: Chương trình mua bán khí thải khu vực ở Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc và Hoa Kỳ…, đáng chú ý nhất là EU ETS. Lịch sử của EU ETS bắt nguồn từ năm 2005, đây là TTCB đầu tiên và lớn nhất thế giới.

Hiến pháp Việt Nam khẳng định “mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành” (Điều 43 Hiến pháp năm 2013). Để hình thành và phát triển TTCB tại Việt Nam, vấn đề cần quan tâm đầu tiên là việc thiết lập một khung pháp lý rõ ràng nhằm ghi nhận, bảo vệ các bên liên quan khi tham gia vào thị trường, xây dựng các quy định quản lý các-bon và triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ các-bon trong các lĩnh vực tiềm năng. Trước thách thức đó, ngày 17/11/2020, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật BVMT năm 2020, đây được đánh giá là một trong những văn bản luật bước đầu đã có quy định về cách thức tổ chức và phát triển TTCB. Tại khoản 2 Điều 91 Luật BVMT năm 2020 quy định “tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước”. Như vậy, Việt Nam chính thức thừa nhận TTCB là một chính sách quan trọng để bảo vệ môi trường. TTCB đã được điều chỉnh trong các văn bản QPPL. Tuy nhiên, quy định về TTCB còn thiếu tính minh bạch và thống nhất, chủ thể và phạm vi áp dụng chưa đầy đủ. Bên cạnh đó, các chủ thể tham gia TTCB cũng chưa quy định đầy đủ về các quyền và nghĩa vụ. Đồng thời, việc xem xét bản chất pháp lý của “hàng hóa” trên thị trường (hạn ngạch và tín chỉ) là tài sản vô hình hay quyền tài sản thì đang còn là một vấn đề tranh luận, ai là chủ sở hữu, phân chia lợi ích từ việc mua bán các-bon, giá của hạn ngạch và TCCB được xác định như thế nào thì pháp luật chưa quy định rõ ràng. Cơ chế quản lý gặp rất nhiều khó khăn khi chưa có những quy định về hệ thống thông tin, dữ liệu về TTCB, bao gồm hệ thống quản lý hạn ngạch phát thải GHG và TCCB, chưa ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện trao đổi, bù trừ TCCB trong nước và quốc tế. Từ đó, thực tế áp dụng pháp luật về TTCB còn thiếu hiệu quả vì hành lang pháp lý chưa được đồng bộ. Điều này đặt ra nhu cầu cần thiết lập cơ chế trao đổi, bù trừ TCCB trong nước và quốc tế, xây dựng cách thức xác định tổng hạn ngạch phát thải GHG, phân bổ hạn ngạch và xác định mức phát thải, trách nhiệm pháp lý. Đồng thời, pháp luật cần quy định phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan đến hoạt động của TTCB.

Trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu một cách khoa học và có hệ thống các vấn đề lý luận về TTCB, thực trạng các quy định pháp luật, từ đó tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về TTCB và cơ chế triển khai có hiệu quả của thị trường này tại Việt Nam là rất cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài *“Pháp luật Việt Nam về thị trường các-bon”*làm luận án tiến sĩ Luật học, chuyên ngành Luật Kinh tế.

**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án**

Mục đích nghiên cứu của Luận án là luận giải và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật, hiện trạng và khả năng thực hiện các quy định pháp luật về TTCB tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất các nhóm giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về TTCB tại Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Các nhiệm vụ nghiên cứu chính của Luận án tập trung vào việc: i). Luận án có nhiệm vụ khảo sát các lý thuyết trong và ngoài nước lý giải cơ sở cho việc xây dựng khung pháp lý về tổ chức và vận hành TTCB để hình thành khung lý thuyết nghiên cứu, xây dựng khái niệm và phân tích những vấn đề lý luận về TTCB thông qua những cơ sở lý thuyết đã được phát triển ở trong và ngoài nước; ii). Luận án khảo sát kinh nghiệm xây dựng và vận hành pháp luật về TTCB của một số quốc gia trên thế giới (EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc), từ đó tham khảo cho việc xây dựng khung pháp lý để hình thành và phát triển TTCB tại Việt Nam; iii)Luận án nghiên cứu đánh giá thực trạng các quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện quy định về TTCB tại Việt Nam, phát hiện những thành công và hạn chế, tính tương thích và mức độ phù hợp của các quy định trong pháp luật Việt Nam về TTCB đang tác động tiêu cực hay tích cực đến tổ chức và hoạt động TTCB tại Việt Nam và iv). trên cơ sở những nhiệm vụ này, Luận án hướng đến nhiệm vụ quan trọng là đề xuất định hướng và các nhóm giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện TTCB tại Việt Nam trong thời gian tới..

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Về đối tượng nghiên cứu: Các quan điểm khoa học, các lý thuyết nền tảng đã được các tác giả là cá nhân và các tổ chức công bố trong các công trình nghiên cứu về TTCB nói chung và pháp luật về TTCB nói riêng cả trong nước và quốc tế. TTCB có thể được tiếp cận ở nhiều góc độ. Trong khuôn khổ Luận án thuộc ngành luật học, tác giả tập trung nghiên cứu khía cạnh pháp lý của TTCB. Với cách tiếp cận này, đối tượng nghiên cứu của Luận án là những vấn đề lý luận về TTCB, các quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường liên quan đến TTCB và thực tế áp dụng. Ngoài ra, các quy định về TTCB của EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc cũng là đối tượng nghiên cứu của Luận án khi thực hiện nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật nước ngoài có liên quan.

Về phạm vi nghiên cứu: Trong khuôn khổ Luận án thuộc ngành Luật kinh tế, luận án sẽ tập trung nghiên cứu khía cạnh pháp lý của thị trường này. Pháp luật về lĩnh vực này của một số nước trên thế giới được chọn lọc, làm cơ sở so sánh và rút ra những bài học kinh nghiệm. Về thời gian từ khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 đến nay. Song để đảm bảo tính khả thi của các kiến nghị, luận án cũng nghiên cứu quá trình vận động và phát triển của các QPPL về TTCB giai đoạn trước khi có Luật BVMT năm 2020

**4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu**

***4.1. Câu hỏi nghiên cứu***

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, nội dung nghiên cứu cần trả lời câu hỏi chung “Pháp luật Việt Nam về thị trường các-bon đã đáp ứng được các điều kiện về việc tổ chức và vận hành thị trường các-bon phù hợp với các yêu cầu bảo vệ môi trường, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường các-bon hay chưa?”.

Để trả lời câu hỏi then chốt trên đây, Luận án xác định cần làm rõ các nội dung nghiên cứu thông qua các câu hỏi chi tiết sau:

*Thứ nhất,* tại sao các quốc gia cần phải hình thành khung pháp lý để tổ chức và vận hành TTCB?

*Thứ hai,* tại các nước có TTCB hình thành sớm và phát triển hiệu quả như EU, Mỹ, Trung Quốc và Hàn Quốc, khung pháp luật về TTCB bao gồm những nội dung cơ bản nào và liệu Việt Nam có thể học hỏi được gì từ kinh nghiệm lập pháp về vấn đề này của các nước về phát triển TTCB?

*Thứ ba,* thực trạng pháp luật điều chỉnh về TTCB tại Việt Nam hiện nay như thế nào? Những thành công và những hạn chế của pháp luật về TTCB tại Việt Nam và nguyên nhân của hạn chế đó là gì?

*Thứ tư,* pháp luật Việt Nam cần được hoàn thiện các quy định như thế nào để hài hòa lợi ích giữa muốn bảo vệ môi trường, giảm phát thải nhà kính với các cơ sở phát thải khí các-bon, từ đó thúc đẩy sự hình thành và phát triển TTCB? Cần chỉ rõ những định hướng và những nội dung cụ thể gì để hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm TTCB có thể vận hành hiệu quả?

***4.2. Giả thuyết nghiên cứu***

Luận án được xây dựng từ các giả thuyết nghiên cứu bao gồm:

*i).Giả thuyết thứ nhất*

Lựa chọn hướng tiếp cận bảo vệ môi trường thông qua việc hình thành TTCB là một lựa chọn phù hợp trong bối cảnh của hội nhập kinh tế và phát triển bền vững. Phát triển TTCB là một giải pháp hiệu quả về bảo vệ môi trường, góp phần tạo ra những giá trị kinh tế nhất định.

*ii).Giả thuyết thứ hai*

Những vấn đề lý luận về TTCB và pháp luật về TTCB đến nay vẫn chưa được làm rõ. Trên thế giới có các TTCB đang hoạt động, Việt Nam cần tham khảo pháp luật của một số nước đã xây dựng thị trường hoàn chỉnh để có thể tăng khả năng thành công trong xây dựng TTCB tại Việt Nam.

*iii). Giả thuyết thứ ba*

Việt Nam bước đầu đã xây dựng cơ sở khung pháp lý nhằm thực hiện TTCB (TCCB, kiểm kê phát thải GHG, cơ sở phát thải GHG, QLNN trong tổ chức và vận hành TTCB), nhưng những quy định đó chưa được hoàn thiện; việc thực thi các QPPLvề TTCB chưa đồng bộ. Luận án cần phải tìm ra được những hạn chế, bất cập trong những quy định của pháp luật về TTCB và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, chỉ ra được những nguyên nhân của hạn chế, bất cập đó.

*iv).Giả thuyết thứ tư*

Việc thiết lập hệ thống pháp lý cho TTCB tại Việt Nam là rất quan trọng, vì sự thiếu hụt và không đầy đủ của các quy định có thể dẫn đến sự chậm trễ trong việc triển khai và vận hành TTCB. Do vậy, Luận án cần đưa ra những định hướng và giải pháp, kiến nghị cụ thể để góp phần hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả việc thực hiện các quy định pháp luật về TTCB trong thời gian tới.

**5. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của Luận án**

Là luận án tiến sĩ Luật học chuyên ngành Luật Kinh tế, hướng tiếp cận của đề tài xuất phát từ góc độ kinh tế - pháp luật (Law and economics) để phân tích các nội dung về TTCB. Tác giả sẽ nhìn nhận việc phân tích pháp luật ở góc độ kinh tế, đặc biệt là các hình thức hoạt động cũng như các yếu tố tác động đến TTCB. Ở góc độ này, phương thức tiếp cận của Luận án là phương pháp tiếp cận đa lĩnh vực trên cơ sở kết hợp giữa kinh tế học với luật học. Ngoài ra, cách tiếp cận dưới góc độ khoa học môi trường, luật môi trường cũng được đề cập, trong đó cách tiếp cận về phát triển bền vững được quan tâm vì đó là là sự tích hợp giữa mục tiêu kinh tế, trách nhiệm môi trường và giá trị xã hội.

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phân tích luật học, phân tích-tổng hợp, so sánh luật học, đặc biệt là phương pháp phỏng vấn chuyên gia và nhà quản lý. Ngoài các phương pháp luận được nêu, Luận án còn sử dụng các phương pháp khác mang tính kỹ thuật, như: mô hình hóa, hệ thống hóa.

**6. Những đóng góp về mặt khoa học của Luận án**

Luận án có những đóng góp mới cho khoa học pháp lý, như:

*-* Luận án là công trình khoa học độc lập, giải quyết các vấn đề lý luận chuyên sâu về TTCB dưới góc độ pháp lý. Luận án phân tích các hình thức hoạt động, nội dung pháp luật Việt Nam về TTCB, các yếu tố ảnh hưởng và sự cần thiết phải điều chỉnh pháp luật về TTCB trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trên cơ sở tiếp thu các nội dung khoa học trong các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, Luận án đã xây dựng được khung lý thuyết về TTCB qua việc làm rõ các vấn đề: khái niệm, bản chất; hình thức trao đổi và các yếu tố ảnh hưởng đến TTCB; các nội dung điều chỉnh của pháp luật về TTCB.

*-* bằng việc phân tích kinh nghiệm từ hình thành và hoàn thiện pháp luật về TTCB của một số nước trên thế giới, Luận án đã phát hiện được những nguyên tắc phổ quát khi thiết lập hoặc triển khai TTCB.

- Luận án đã phân tích và đánh giá thực trạng TTCB tại Việt Nam. Đồng thời đánh giá các QPPL về TTCB ở Việt Nam. Qua đó tìm ra những bất cập, những điểm chưa hợp lý và xác định tính khả thi các các quy phạm pháp luật.

- Luận án đưa ra kiến nghị để sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định để bảo vệ quyền lợi của các chủ thể tham gia TTCB, các quy định về hạn ngạch và tín chỉ, định giá các-bon và quy định về QLNN đối với TTCB. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện khung pháp lý về TTCB. Những kiến nghị cụ thể, những đề xuất đồng bộ của tác giả sẽ là cơ sở khoa học cho việc tiếp tục hoàn thiện và xây dựng hệ thống pháp luật về TTCB, **đóng vai trò trong việc chuyển đổi nền kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, ít phát thải, vì sự phát triển bền vững.**

**-** Thành quả nghiên cứu còn là tài liệu tham khảo để các cơ quan quản lý hoạch định chính sách có liên quan đến phát triển TTCB tại Việt Nam.

**7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án**

Luận án mang những ý nghĩa chính sau đây:

- Kết quả nghiên cứu của Luận án cung cấp các nội dung quan trọng, đáng tin cậy có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật về TTCB tại Việt Nam, trong đó đề xuất ban hành “Luật thị trường các-bon”.

- Luận án đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả TTCB, góp phần xây dựng các Đề án thí điểm về TTCB trong các ngành và địa phương góp phần hình thành TTCB tại Việt Nam trong thời gian tới.

- Luận án có giá trị tham khảo, phục vụ cho công việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập học phần Luật môi trường trong chuyên ngành Luật kinh tế

**8. Kết cấu của Luận án**

Có cấu trúc gồm 4 chương

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu;

Chương 2. Cơ sở lý luận và pháp luật về thị trường các-bon;

Chương 3. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành quy định của pháp luật Việt Nam về thị trường các-bon;

Chương 4. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thị trường các-bon.

## CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

## 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

***\* Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài***

Tác giả tập trung nghiên cứu các công trình về thị trường các-bon. Trong đó tìm hiểu về sự hình thành và vai trò của thị trường, định giá các-bon. Dưới góc độ pháp luật thị trường các-bon, tập trung nghiên cứu chủ thể tham gia thị trường, bản chất pháp lý của hạn ngạch và tín chỉ các-bon, quản lý nhà nước đối với thị trường. Đồng thời tiếp cận các công trình nghiên cứu về pháp luật thị trường các-bon của một số khu vực và quốc gia điển hình như thị trường các-bon của Liên minh Châu Âu, Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc.

***\* Trong nước***

Số lượng các công trình nghiên cứu đến pháp luật Việt Nam về thị trường các-bon không nhiều, vấn đề này còn đang bỏ ngỏ. Do vậy, để khảo sát tình hình nghiên cứu về pháp luật trong lĩnh vực này, Luận án tạm chia thành 3 nhóm nghiên cứu: i) Nghiên cứu về các yếu tố để xây dựng thị trường các-bon; ii) Nghiên cứu quy định pháp luật về thị trường các-bon; iii) Nghiên cứu thực trạng thực hiện pháp luật về thị trường các-bon.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến Luận án, tác giả có một số nhận xét tổng quan về tình hình nghiên cứu như sau: những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã có nhiều cách tiếp cận khác nhau về TTCB dưới góc độ kinh tế - môi trường và pháp lý; dưới góc độ kinh tế, các công trình khoa học nêu trên đã đề cập đến vai trò, lợi ích mà TTCB mang lại và nhấn mạnh đây là một công cụ kinh tế hiệu quả giảm thiểu GHG; TTCB được hình thành và phát triển ở nhiều nước, lớn nhất là EU ETS, Mỹ, Trung Quốc… Mỗi nước có mức độ phát triển và cấu trúc nền kinh tế, thể chế chính trị khác nhau nên tính chất TTCB khác nhau; dưới góc độ pháp lý, các công trình và bài viết nêu trên đề cập đến khung pháp lý cho việc vận hành TTCB cũng như các giao dịch hạn ngạch, TCCB giữa các quốc gia thông qua ký kết các Công ước và Nghị định thư. Đồng thời, đánh giá sự tham gia TTCB thế giới của Việt Nam thông qua các dự án CDM; ở góc độ luận án tiến sĩ, cho đến nay, ở nước ta chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách có hệ thống và chuyên sâu pháp luật về TTCB.

## 1.2. Cơ sở lý thuyết

Luận án vận dụng năm lý thuyết : i).Các lý thuyết về sự can thiệp của nhà nước đối với nền kinh tế; ii).Các lý thuyết lợi ích công cộng; iii).Lý thuyết về chi phí giao dịch; iv). Lý thuyết về quyền sở hữu; v). Lý thuyết pháp luật của Lon Luvois Full

**CHƯƠNG 2**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN** **VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON**

**2.1. Lý luận về thị trường các-bon**

**2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc hoạt động của** **TTCB**

Dưới góc độ pháp lý thì TTCB được quy định tại Điều 17 KP của Liên Hợp Quốc. Theo KP, cơ chế buôn bán phát thải như một trong ba công cụ linh hoạt nhằm hỗ trợ các quốc gia phát triển (thuộc Phụ lục I) thực hiện các cam kết cắt giảm khí nhà kính. Theo đó, các quốc gia này có thể chuyển nhượng hoặc tiếp nhận các đơn vị phát thải với nhau nhằm tối ưu hóa chi phí tuân thủ mục tiêu giảm phát thải đã cam kết. Do các-bon là GHG quy đổi tương đương của nhiều GHG nên được gọi chung là mua bán, trao đổi các-bon, tạo nên TTCB. Sử dụng Hình 2.2 để minh họa.

Theo quan điểm của tác giả, có thể hiểu “*Thị trường các-bon là một cơ chế giao dịch trong đó hạn ngạch và tín chỉ các-bon được mua và bán. Trong hệ thống này, các cá nhân, tổ chức và quốc gia tham gia thị trường các-bon để bù đắp lượng phát thải khí nhà kính bằng cách mua hạn ngạch trên Sàn giao dịch và tín chỉ các-bon từ các dự án loại bỏ hoặc giảm phát thải khí nhà kính”.*

### -Đặc điểm và nguyên tắc hoạt động của TTCB

### Thị trường các-bon có các đặc điểm là sự dung hòa giữa tăng trưởng thương mại và trách nhiệm với môi trường, đây là một cơ chế kinh tế mang đậm dấu ấn trách nhiệm xã hội và môi trường, hiệu quả và tính bền vững của thị TTCB không cố định, mà thay đổi theo cấu trúc thị trường và bối cảnh KT-XH.

Thị trường hoạt động dựa trên các nguyên tắc có trật tự, minh bạch và toàn vẹn. Trong thị trường các-bon có hai hình thức hoạt động đó là thị trường các-bon tuân thủ và thị trường các-bon tự nguyện. Trong quá trình hoạt động của thị trường chịu sự tác động của các yếu tố như xu hướng phát thải khí nhà kính, mức độ hợp tác quốc tế, mức độ tham gia của các doanh nghiệp vào trong thị trường.

**2.2 Khái quát pháp luật về thị trường các-bon**

**2.2.1. Khái niệm pháp luật về thị trường các-bon**

Từ định nghĩa chung về TTCB có thể được hiểu như sau “Pháp luật về thị trường các-bon” như sau: “***Pháp luật về thị trường các-bon*** *là hệ thống các quy định pháp lý do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa các cá nhân, tổ chức và nhà nước trong quá trình phân bổ, mua bán, chuyển nhượng, giám sát lượng phát thải khí nhà kính”.*

### 2.2.2. Chủ thể của thị trường các-bon

TTCB đang ngày càng thu hút sự tham gia của nhiều cá nhân, tổ chức với tính chất ngày càng đa dạng. Nhiều quốc gia đã áp dụng các chính sách định giá các-bon, tạo điều kiện để các chủ thể tận dụng TCCB như một phần trong kế hoạch phát triển lâu dài. Các chủ thể tham gia TTCB rất phong phú, tùy theo loại thị trường. TTCBTT, các bên tham gia thường bao gồm CP, DN, ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính. Trong khi đó, TTCBTN có sự góp mặt của các nhà đầu tư dự án, các thương nhân và người môi giới. Sự đa dạng này phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của TTCB trong nỗ lực toàn cầu giảm phát thải GHG.

### 2.2.3. Đối tượng giao dịch trên thị trường các-bon

Trên thị trường các-bon tồn tại hai loại hàng hóa chính, đó là hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon.

*Một là,* hạn ngạch: Được hiểu là giới hạn áp dụng cho các DN liên quan đến lượng GHG mà họ có thể thải ra trong một khoảng thời gian nhất định. Hệ thống này dựa trên nguyên tắc *“cap and trade”* trong đó giới hạn phát thải chung được thiết lập cho một ngành hoặc khu vực và các DN được phân bổ (minh họa **Hình 2.6**) hoặc phải mua hạn ngạch tương ứng với lượng CO2 cụ thể mà họ có thể thải ra. Các DN phát thải ít hơn hạn ngạch có thể bán lượng khí thải thặng dư của mình trên TTCB, trong khi các DN phát thải vượt hạn ngạch phải mua thêm quyền phát thải hoặc chịu hình phạt.

*Hai là,* tín chỉ các-bon. Thuật ngữ tín chỉ các-bon đã được công nhận quốc tế với KP năm 1997, theo đó các nước phát triển coi việc bù đắp các-bon là một cơ chế để giảm lượng khí thải các-bon và lượng khí thải các-bon làm động lực

Ngoài chủ thể và đối tượng thì để tạo nên một thị trường hoàn chỉnh cần nghiên cứu cơ sở lý luận về giá của hạn ngạch và tín chỉ các-bon, bên cạnh đó không thể không nhắc đến sự quản lý của nhà nước đối với thị trường.

## 2.4. Khung pháp lý về thị trường các-bon tại một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho việt Nam

Mặc dù có nhiều hệ thống pháp luật về TTCB ở nhiều nước nhưng nghiên cứu sinh chỉ lựa chọn bốn hệ thống pháp luật tiêu biểu của EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Hệ thống giao dịch khí thải của EU là thị trường các-bon lớn nhất (gồm 31 quốc gia thành viên: có 28 quốc gia thành viên EU, Iceland, Liechtenstein và Na Uy), chiếm 45% lượng GHG ở Châu Âu. Để thúc đẩy TTCB phát triển EU đã ban hành các quy định pháp lý (minh họa **Hình 2.7**), EU triển khai phát triển thị trường trong 4 giai đoạn (minh họa **Bảng 2.4**).

Hoa kỳ đang duy trì vận hành 3 hệ thống ETS do các bang của Mỹ xây dựng và vận hành khá hiệu quả, bao gồm: Chương trình Thương mại phát thải California; Hạn chế phát thải từ các nhà máy điện của Massachusetts và Sáng kiến vùng về GHG. Hoa Kỳ đã ban hành các dự luật khác nhau giải quyết các vấn đề BĐKH được đưa ra trước Quốc Hội từ năm 2007 đến 2010 (minh họa **Bảng 2.5**).

Trung Quốc đã áp dụng nhiều chương trình, bao gồm cả chương trình thí điểm ETS. Trong giai đoạn 2014-2016, chương trình ETS được thí điểm của Trung Quốc, kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2013, bảy tỉnh và thành phố thí điểm là Thâm Quyến, Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Đông, Thiên Tân, Hồ Bắc và Trùng Khánh lần lượt đưa ra các chính sách giao dịch phát thải các-bon, hướng tới mục tiêu sớm đạt được mức các-bon cao nhất và trung hòa các-bon

Tại Hàn Quốc năm 2012 ban hành Đạo luật về phân bổ và kinh doanh giấy phép phát thải khí nhà kính. Tháng 9 năm 2021, Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua Đạo luật khung về tăng trưởng xanh trung hòa các-bon để ứng phó với khủng hoảng khí hậu (Đạo luật số 18469, 2021). Đạo luật gồm 11 chương và 83 Điều, trong đó có các quy định quan trọng mang tính quyết định. Các văn bản trên là cơ sở pháp lý cho thị trường hoạt động.

## Chương 3 THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

## 3.1. Thực trạng pháp luật về TTCB tại Việt Nam

Thực trạng quy định pháp luật về TTCB được Luận án đánh giá theo 4 vấn đề chính.

- Địa vị pháp lý của chủ thể tham gia thị trường. Hiện nay, pháp luật mới chỉ bước đầu xác định một số chủ thể tham gia TTCB như các cơ sở phát thải GHG và tổ chức thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ TCCB, trong khi nhiều chủ thể khác vẫn chưa được quy định rõ. Các chủ thể như nhà đầu cơ bán lẻ, thương nhân hàng hóa, nhà môi giới, trung gian tài chính như ngân hàng thương mại, nhà đầu tư dự án và người tiêu dùng vẫn chưa có quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ và địa vị pháp lý. Việc họ tham gia vào loại thị trường nào, cũng như các ràng buộc pháp lý liên quan, vẫn còn bỏ ngỏ. Nếu không có quy định minh bạch, rõ ràng, nguy cơ phát sinh tranh chấp về quyền lợi khi các chủ thể này tham gia TTCB là điều khó tránh khỏi.

- Đối tượng giao dịch trên thị trường các-bon. đối tượng để mua bán trong TTCB tại Việt Nam là hạn ngạch TCCB. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể điều kiện của TCCB sẽ được giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon. chưa có căn cứ pháp lý khẳng định TCCB là loại tài sản nào. Để có giá trị cho người nắm giữ, TCCB phải được công nhận và bảo vệ như một loại tài sản. Cần khẳng định TCCB là tài sản hữu hình, vô hình hay quyền tài sản. Đồng thười, pháp luật cần đưa ra các quy định về nguyên tắc và tiêu chí để xác định chất lượng TCCB của các dự án.

- Giá giao dịch của hạn ngạnh và tín chỉ trên thị trường. Có thể nói giá của hạn ngạch phụ thuộc vào cung cầu giữa bên mua và bên bán được thực hiện trên sàn giao dịch thông qua hình thức đấu giá. Pháp luật Việt Nam chưa có quy định điều chỉnh về giá TCCB. Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon. Câu hỏi đặt ra là Nhà nước có cần can thiệp vào giá của TCCB hay không để đảm bảo ổn định thị trường.

- Mỗi cơ quan nhà nước có quyền và nghĩa vụ riêng trong quản lý thị trường các-bon. Luận án tập trung nghiên cứu sự quản lý của nhà nước đối với nguồn thu trong thị trường các-bon. Chú trọng các quy định trong cơ chế đảm bảo tuân thủ và giám sát thị trường như Hệ thống đăng ký quốc gia để quản lý hạn ngạch và TCCB, các chế tài xử phạt các hành vi vi phạm trong TTCB, giải quyết tranh chấp trong TTCB.

## 3.2. Thực tiễn thực hiện thị trường các-bon tại Việt Nam

Luận án đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về TTCB theo

Bốn vấn đề trên.

-Chủ thể tham gia thị trường. Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg thông qua danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải GHG phải thực hiện kiểm kê GHG, quy định có 1.912 cơ sở. Tiếp sau đó Thủ tướng CP kịp thời đã ban hành Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg tổng số cơ sở thuộc các danh mục cập nhật mới là 2.166 cơ sở, tăng thêm 254 cơ sở (minh họa Bảng 3.1). Tuy nhiên, hoạt động kiểm kê GHG triển khai trên thực tế gặp nhiều khó khăn do thiếu dữ liệu chính xác, yếu kém hạ tầng đo lường, thiếu chuyên gia đào tạo và khó khăn trong quản lý dữ liệu.

-Theo quy định lộ trình phát triển TTCB trên thì Việt Nam đến năm 2025 mới thí điểm Sàn giao dịch các-bon, đây là nơi mà hạn ngạch và tín chỉ được trao đổi mua bán. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều DN tại Việt Nam đã chủ động ký kết và thực hiện các hoạt động giảm thiểu phát thải GHG, đặc biệt là các hoạt động theo CDM và JCM do Nhà nước quản lý (minh họa **Hình 3.5**). Một số cơ chế tạo TCCB theo hình thức tự nguyện cũng đã được nhiều tổ chức trong nước áp dụng triển khai cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải GHG như GS, VCS (minh họa **Hình 3.6**, **Hình 3.7**). Việt Nam cũng có tiềm năng tham gia thông qua các cơ chế như Cơ chế tín chỉ chung (sau này gọi là JCM) và Chương trình giảm phát thải thông qua REDD+.

- Trong lộ trình phát triển TTCB tại Việt Nam, đến hết năm 2027 Bộ Tài chính, BTNMT cùng các Bộ liên quan sẽ xây dựng quy định về đấu giá, chuyển giao, vay mượn, cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của TTCB. Chính vì vậy, việc định giá TCCB tại Việt Nam còn đang trong quá trình hoàn thiện căn cứ pháp lý.

- Thủ tướng CP Phạm Minh Chính vừa ký ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 2/5/2024 về tăng cường công tác quản lý TCCB nhằm thực hiện NDC. để TTCB có thể vận hành hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều cơ quan khác nhau, mỗi cơ quan đảm nhiệm vai trò và trách nhiệm riêng. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra thách thức lớn trong quá trình triển khai, do các Bộ, ngành không chỉ phải hoàn thành nhiệm vụ của mình mà còn phải phối hợp với nhau. Vì vậy, có lẽ CP nên xem xét việc thành lập một cơ quan chuyên trách để quản lý và điều hành TTCB một cách thống nhất, hiệu quả hơn. Hiện nay, tại Việt Nam, hoạt động kiểm kê GHG mới chỉ bắt đầu được triển khai và TTCB vẫn chưa chính thức đi vào hoạt động. Do đó, trên thực tế, chưa ghi nhận các vi phạm pháp luật hay tranh chấp liên quan đến lĩnh vực này.

# 3.3. Đánh giá chung pháp luật về TTCB tại Việt Nam

**3.3.1. Những kết quả đạt được của pháp luật về TTCB**

Cho đến nay, Việt Nam đã bước đầu xây dựng hệ thống quy định nhằm thiết lập nền tảng pháp lý cho sự hình thành và phát triển TTCB, góp phần ứng phó với BĐKH và cắt giảm lượng khí thải các-bon. Việc triển khai các chính sách, hành động giảm nhẹ phát thải khí các-bon của Việt Nam đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Hệ thống pháp luật về TTCB ngày càng được hoàn thiện, các tổ chức, cá nhân trong nước có quyền tham gia thị trường; góp phần nâng cao nhận thức của các cá nhân và tổ chức, DN trong vấn đề bảo vệ môi trường; nội dung của pháp luật hướng tới thực hiện các cam kết của quốc gia về giảm phát thải GHG; nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh của DN cũng như của quốc gia trong hoạt động KT-XH và hội nhập quốc tế

**3.3.2. Những hạn chế trong quy định pháp luật về TTCB**

Những hạn chế trong quy định về TTCB có thể kể đến như sau: *Thứ nhất,* quy định về kiểm kê, đo đạc, báo cáo phát thải GHG chưa đầy đủ; *Thứ hai,* có rất nhiều chủ đầu tư tham gia vào TTCB đang gặp khó khăn trong việc triển khai như chưa thể đăng ký, ban hành TCCB đạt tiêu chuẩn quốc tế, cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án gặp khó khăn do khung pháp lý chưa hoàn chỉnh; *Thứ ba,* giảm nhẹ phát thải khí các-bon mới chỉ tập trung ở cấp vĩ mô thông qua việc xây dựng, ban hành chính sách của CP, Bộ, ngành; *Thứ tư,* các quy định về trách nhiệm pháp lý chưa đủ mạnh để thúc đẩy các chủ thể thực hiện, đặc biệt quy định trách nhiệm pháp lý hình sự trong TTCB đang còn bỏ ngỏ; *Thứ năm,* hiện nay, vẫn chưa có quy định cụ thể về các lĩnh vực và biện pháp giảm phát thải được phép tham gia cơ chế trao đổi hạn ngạch và TCCB quốc tế

**3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế pháp luật về TTCB**

Luận án xác định nguyên nhân như sau: những thách thức về xác minh và quản lý dữ liệu hạn ngạch và TCCB; sự phức tạp của thiết kế thị trường; khó khăn trong việc điều phối chính sách; một rào cản rất căn cơ đó là kỹ thuật và tài chính; ảnh hưởng của yếu tố quốc tế.

# Chương 4

## ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

## 4.1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật pháp luật thị trường các-bon tại Việt Nam hiện nay

Việt Nam là một trong những quốc gia tham gia tích cực ký kết các Điều ước quốc tế về môi trường và nhiều Hiệp định thương mại tự do. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật phải phù hợp với điều ước quốc tế. Đáp ứng với nền kinh tế đang phát triển ở Việt Nam. Việc hoàn thiện pháp luật về TTCB không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng.

**4.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam liên quan đến thị trường các-bon**

Việc hài hòa pháp luật về TTCB của Việt Nam với các xu hướng pháp lý quốc tế là yếu tố hết sức quan trọng. Việt Nam là thành viên của cộng đồng quốc tế và đã tham gia nhiều thỏa thuận, cam kết toàn cầu về biến đổi khí hậu và cắt giảm khí thải các-bon. Sự tương thích quy định về TTCB của Việt Nam với pháp luật về TTCB của các nước trên thế giới giúp tạo điều kiện cho hợp tác quốc tế, cũng như tạo ra môi trường kinh doanh các-bon thuận lợi cho các DN và nhà đầu tư quốc tế.

Việc linh hoạt áp dụng kinh nghiệm quốc tế là một chiến lược quan trọng giúp Việt Nam xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về TTCB. Việt Nam nên xem xét các điều kiện KT-XH của quốc gia để điều chỉnh các quy định pháp luật về TTCB phù hợp với thực tế

## 4.3. Giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về TTCB

Luận án đề xuất 2 nhóm giải pháp chính: *i).Nhóm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về TTCB;* và *ii).Nhóm góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về TTCB.*

Trong đó, những đề xuất nổi bật như: Luật BVMT năm 2020 cần được mở rộng thêm các chủ thể tham TTCB, trong đó có chủ rừng- một chủ thể quan trọng trong việc hấp thụ và giảm phát thải GHG. Ngoài ra, cần bổ sung các QPPL cụ thể về điều kiện và tiêu chí để các cá nhân, tổ chức được phép đầu tư và kinh doanh trên thị trường. Đồng thời, pháp luật cũng cần quy định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia nhằm đảm bảo công bằng và hiệu quả trong quá trình vận hành TTCB. Đối với TCCB cần được Luật BVMT quy định cụ thể là tài sản vô hình và hạn ngạch là một quyền tài sản, tác giả cũng đã đưa ra 5 tiêu chí cụ thể để tạo nên tín chỉ các-bon chất lượng. Để tăng cường các biện pháp rủi ro đối với hoạt động kinh TTCB. CP cần có quy định hướng dẫn quy trình đấu giá, giúp thiết lập giá ban đầu cho TCCB. Đồng thời có cơ chế điều tiết như giá trần và giá sàn, giới hạn nắm giữ tối đa, báo cáo các giao dịch lớn, giám sát các giao dịch bất thường.

Giải pháp trong quá trình quản lý tập trung vào công tác kiểm kê GHG phục vụ phân bổ hạn ngạch phát thải, cần bổ sung thêm danh mục, lĩnh vực, cơ sở phải kiểm kê GHG, bổ sung quy định về tổ chức TTCB, quy định trách nhiệm pháp lý hành chính và hình sự đối với các chủ thể tham gia thị trường, khi phát sinh tranh chấp bên cạnh Tòa án thì Trọng tài thương mại có thẩm quyền giải quyết. Đồng thời, thiết lập một cơ quan chuyên trách quản lý về TTCB.

Để sớm đưa TTCB đi vào hoạt động cần thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của TTCB. Hơn nữa, DN cần có những bước chuẩn bị để sẵn sàng tham gia thị trường. Nhà nước tích cực tăng cường công tác giáo dục và tuyên truyền để nâng cao hiệu quả thực hiện TTCB.

**Đ**ây chính là kết quả nghiên cứu dựa trên những vấn đề thực trạng đã nêu trong Chương 3 và một số vấn đề lý luận từ Chương 2.

## KẾT LUẬN

*Pháp luật Việt Nam về thị trường các-bon* là một nghiên cứu có tính thời cuộc, bắt nhịp với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Từ những kết quả nghiên cứu của Luận án, nghiên cứu sinh rút ra một số kết luận chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, dưới góc độ lý luận Luận án đã chỉ ra được các cơ sở lý thuyết nghiên cứu là cơ sở để đưa ra khung pháp lý về TTCB. Lý thuyết sự can thiệp của nhà nước biện minh cho sự tham gia của nhà nước vào thị trường các-bon để khắc phục những thất bại của thị trường do khí thải gây ra, nếu không có sự can thiệp của nhà nước các cơ sở phát thải không có động lực để giảm phát thải GHG. Lý thuyết về chi phí giao dịch nêu bật các chi phí liên quan đến trao đổi các-bon, các chi phí đàm phán, giám sát. Đối với lý thuyết quyền sở hữu việc xác định rõ ràng quyền sở hữu đối với hạn ngạch và TCCB là điều cần thiết, thiết lập quy tắc giao dịch và chuyển nhượng các quyền này sẽ tăng niềm tin và sự đầu tư vào thị trường. Cơ sở hoàn thiện hệ thống pháp luật không thể không vận dụng Lý thuyết pháp luật của Fuller. Việc triển khai các tiêu chuẩn MRV nghiêm ngặt, bên thứ ba xác minh về tín chỉ các-bon và quy định giao dịch trên thị trường minh bạch sẽ giảm tình trạng bất đối xứng thông tin. Việc kết hợp các lý thuyết nghiên cứu trên vào TTCB để giải quyết được những thách thức như tác động bên ngoài, chi phí giao dịch, về quyền sở hữu và sự quản lý của nhà nước. Nhà nước đưa ra những giải pháp pháp lý xây dựng một thị trường hiệu quả, minh bạch và bền vững.

*Thứ hai*, khẳng định vai trò cần thiết của pháp luật về TTCB trong hoạt động điều chỉnh TTCB nhằm thực hiện các mục tiêu cam kết quốc tế và hướng tới chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp. Với kết quả giảm phát thải GHG mà Việt Nam đạt được sẽ tạo dựng được uy tín quốc gia, là đòn bẩy để thu hút đầu tư, ngoài ra DN nâng cao cơ hội cạnh tranh với các đối thủ trên thế giới. Phát TTCB tại Việt Nam mang lại lợi ích kép cả về kinh tế và sự phát triển của môi trường.

*Thứ ba*, thành tựu nổi bật quy định về TTCB trong thời gian qua đó là Đảng và Nhà nước đã ban hành một loạt các chủ chương, chính sách, các quy định về TTCB. Tuy nhiên trên thực tế, bên cạnh những kết quả đạt được thì pháp luật về TTCB bộc lộ nhiều hạn chế. Một số quy định còn nhiều bất cập, thiếu vắng rất nhiều các quy định để đảm bảo hoạt động hiệu quả của TTCB. Trước thực trạng pháp luật trên, Việt Nam cần đẩy nhanh tiến trình trong việc xây dựng và củng cố hệ thống pháp luật về TTCB, việc xây dựng khung pháp luật về TTCB ở Việt Nam được xem xét trong tổng thể các chính sách và định hướng mang tính quốc gia và thực hiện cam kết quốc tế, sự chậm trễ sẽ để lại thiệt hại về môi trường và kinh tế đáng kể.

*Thứ tư*, pháp luật về TTCB tại Việt Nam cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Việc xây dựng khung pháp lý cho TTCB ở Việt Nam là một bước quan trọng hướng tới đạt được các mục tiêu phát triển bền vững đồng thời giải quyết các thách thức về biến đổi khí hậu. Luận án đề xuất chủ thể tham gia thị trường cần được mở rộng, cho phép các tổ chức tài chính, hộ gia đình, chủ rừng tham gia TTCB, đồng thời quy định quyền và nghĩa vụ, cũng như các điều kiện để chủ thể được tham gia TTCB. Đề xuất tiếp theo cần xác định tính chất pháp lý của hạn ngạch là một quyền tài sản và TCCB là tài sản vô hình, Nhà nước cần ban hành năm tiêu chí để xác định TCCB có chất lượng. Để giảm bớt gánh nặng tài chính cho DN và tạo động lực tham gia thị trường, ở giai đoạn đầu Nhà nước phân bổ miễn phí hạn ngạch và sau đó chuyển sang hình thức đấu giá, hơn nữa cần quy định mức giá trần và sàn đạt mục tiêu ổn định thị trường. Trong hoạt động quản lý, Nhà nước cần thiết ban hành các quy định về cơ chế tuân thủ, giám sát thị trường, đặc biệt quy định trách nhiệm pháp lý hành chính và hình sự xử lý những tội phạm hình thành trong TTCB, bên cạnh đó bổ sung hình thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài vì những ưu điểm của phương thức và môi trường không có tính biên giới. Xét về lâu dài, để đảm bảo sự thống nhất trong quản lý về TTCB cần sắp xếp lại bộ máy cơ quan quản lý và thành lập một cơ quan chuyên trách về quản lý TTCB tiến tới xây dựng một đạo luật “*Luật thị trường các-bon*”, có như vậy TTCB mới nhanh chóng được hình thành và bảo đảm thị trường hoạt động hiệu quả trên thực tế, góp phần

hướng tới nền kinh tế xanh tại Việt Nam./.

# 

# CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trinh Thi Thuy, Nguyen Thi Anh, Duong Kim The Nguyen, 2022. “Promoting sustainability through development of domestic carbon markets in Viet Nam”. *Conference Proceedings International Conference on Business and Finance* *(ICBF 2022)*, Nhà xuất bản Lao động, tr.923-935.

2. Trinh Thi Thuy, 2023. “Carbon market regulations of various countries worldwide and lessons learned for Vietnam”. *The 5th International Conference in Economics, Business & Finance (5ICBEF-2023).* Nhà xuất bản Tài chính, tr.619-631.

3. Trinh Thi Thuy, 2025. “Vietnamese law on the carbon market in the context of international commitment implementation”. Proceedings ò the sixth international conference in business, economics and finance Volume 1. Can Tho University publishing house, tr.376-388.

4. Trịnh Thị Thủy, 2023. “Hoàn thiện pháp luật về thị trường các-bon”. *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, số 379, tháng 4/2023, tr.16-19.

5. Trịnh Thị Thủy, 2022. “Hiệu quả năng lượng và tiềm năng kinh doanh các-bon ở Việt Nam”. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia “Phát triển kinh tế Việt Nam thích ứng với bối cảnh mới”*. Nhà xuất bản Tài chính, tr.313-323.

6. Trịnh Thị Thủy, 2023*,* “Pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”. *Tạp chí Khoa học Tây Nguyên*, số 62, tháng 10-2023, tr.135-142.

1. KP được ký vào ngày 11 tháng 12 năm 1997 tại Kyoto, Nhật Bản và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 02 năm 2005. [↑](#footnote-ref-1)